NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN LỊCH SỬ 11
NĂM HỌC 2025-2026

A. NỘI DUNG CƠ BẢN

Chương II: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

Bài 3:
LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT RA ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

a. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Ngày 25/10/1917 (lịch Nga), cuộc cách mạng tháng Mười bùng nổ, đã lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản. Chính quyền Xô viết được thành lập do Lê-nin đứng đầu.
- Chính quyền Xô viết đã:

+ Ban hành Sắc lệnh Hòa bình và Sắc lệnh Ruộng đất nhằm thủ tiêu tàn tích phong kiến, đem lại các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.

+ Đẩy lùi sự can thiệp của các nước đế quốc, bảo vệ chính quyền.

- 30/12/1922, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) được thành lập.
- 1924, thông qua bản Hiến pháp đầu tiên, hoàn thành quá trình thành lập nhà nước Liên Xô.

b. Ý nghĩa sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Mở ra con đường mới trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, thủ tiêu sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, tăng cường sức mạnh của nhà nước.
- Là nguồn cổ vũ và chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng thế giới.
- Để lại bài học kinh nghiệm về mô hình xây dựng nhà nước khi giành chính quyền.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai

a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

- Từ 1945 - 1949, các nước Đông Âu tiến hành cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa các xí nghiệp, ban hành các quyền tự do dân chủ…
- Từ năm 1950 - đầu thập niên 1970, với sự giúp đỡ của Liên Xô, đã đạt được nhiều thành tựu trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Nửa sau thập niên 1970 - thập niên 1980, rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

b. Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ và thắng lợi, ra đời nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á và Mỹ La-tinh.

* Ở châu Á:

- Trung Quốc: Năm 1949, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thắng lợi, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời 1/10/1949.
- Mông Cổ: Năm 1924, Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ được thành lập.
- Triều Tiên: 9/9/1948, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên được thành lập ở phía Bắc bán đảo Triều Tiên.
- Lào: tranh thủ thời cơ Nhật hàng đồng minh, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền và tuyên bố độc lập vào 12/10/1945.
- Việt Nam: 2/9/1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Năm 1975, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

* Ở Mỹ La-tinh:

- 1/1/959, chế độ độc tài Ba-ti-xta sụp đổ, nước Cộng hòa Cu-ba ra đời do Phi-đen Cát-xtơ-rô đứng đầu.

c. Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

- Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội tập trung, quan liêu, bao cấp, kế hoạch hóa có nhiều khiếm khuyết:
+ Về kinh tế: không tuân theo quy luật khách quan của kinh tế hàng hóa.
+ Về chính trị, xã hội: bộ máy cồng kềnh, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, thiếu công bằng…
- Không bắt kịp sự phát triển KH-CN hiện đại, dẫn tới tình trạng trì trệ, khủng hoảng.
- Cải tổ, cải cách phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, đường lối, không giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và chính trị.
- Sự chống phá của các thế lực thù địch, đặc biệt là âm mưu "diễn biến hòa bình", "cách mạng Nhung"…

Bài 4: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

1. Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Từ 1991 đến nay, nhiều quốc gia đi theo con đường chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.
- Trung Quốc, Việt Nam, Cu-ba kiên định con đường chủ nghĩa xã hội.
- Một số nước đang tiến hành cải cách, mở cửa, từng bước xác định mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp.
- Mặc dù còn nhiều khó khăn thử thách, nhưng lí tưởng về một xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh vẫn là mục tiêu của tất cả các quốc gia trên thế giới.

2. Thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

a. Thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc

- Từ cuối 1978, Trung Quốc cải cách mở cửa, xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc và đạt được nhiều thành tựu:
+ Kinh tế: thực hiện kinh tế thị trường, chú trọng khoa học kĩ thuật và đạt tốc độ tăng trưởng cao, dẫn đầu các nền kinh tế trên thế giới (2020 - 2021).
+ Xã hội: chú trọng công bằng, an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, chiến thắng trong cuộc chiến chống nghèo đói.
+ Văn hóa: xây dựng văn hóa xã hội chủ nghĩa, đề cao văn hóa dân tộc, phát triển giáo dục và khoa học...

b. Ý nghĩa công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc

- Giúp Trung Quốc vượt qua khủng hoảng. Kinh tế phát triển, chính trị - xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện.
- Vị thế quốc tế được nâng cao.
- Tạo điều kiện hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực.
- Cho thấy sự đúng đắn của con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, làm phong phú thêm lí luận về mô hình xã hội chủ nghĩa trong thực tiễn.

Chương III
QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA Ở ĐÔNG NAM Á

Bài 5: QÚA TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

1. Qúa trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây

- Nguyên nhân:
+ Tư bản phương Tây tăng cường tìm kiếm thuộc địa, thị trường.
+ Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á đang suy yếu, khủng hoảng.
- Quá trình xâm lược và cai trị

Nước bị xâm lược	Nước xâm lược	Kết quả

In-đô-nê-xi-a	- Thế kỉ XV - XVI, Bồ Đào Nha và Hà Lan cạnh tranh. - Thế kỉ XIX, là thuộc địa của Hà Lan.	- Thực dân phương Tây thực hiện "chia để trị", khai thác tài nguyên... - Các nước ĐNÁ hải đảo rơi vào lạc hậu, phụ thuộc nặng nề vào kinh tế phương Tây.
Phi-lip-pin	- Thế kỉ XVI, là thuộc địa của Tây Ban Nha. - Từ 1899, là thuộc địa của Mỹ.	
Mã Lai	- Từ 1826, Anh bắt đầu xâm lược các tiểu quốc Mã Lai.	
Miến điện	- Anh xâm lược 3 lần (1824 - 1826, 1852, 1885) và sáp nhập thành 1 tỉnh của Ấn Độ	
Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.	- Cuối thế kỉ XIX, Pháp hoàn thành xâm lược và cai trị.	
Xiêm	- Nhờ vị trí vùng đệm và chính sách ngoại giao khôn khéo của vua Ra-ma V, nên giữ được độc lập tương đối.	

2. Công cuộc cải cách ở Xiêm

a. Hoàn cảnh

+ Trước sự đe dọa của thực dân phương Tây.

+ Yêu cầu cấp bách để bảo vệ độc lập.

=> Giữa thế kỉ XIX, vua Mông-kuts (Ra-ma IV) và Chu-la-long-con (Ra-ma V) đã tiến hành cải cách.

b. Nội dung

Lĩnh vực	Nội dung
Kinh tế	- Giảm thuế nông nghiệp, xóa bỏ chế độ lao dịch. - Khuyến khích tư nhân kinh doanh. - Cho phép tư bản nước ngoài đầu tư.
Chính trị	- Bên cạnh vua có Hội đồng chính phủ phụ trách hành pháp. - Quân đội được trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây.
Xã hội	- Xóa bỏ chế độ nô lệ, giải phóng người lao động.
Văn hóa, giáo dục	- Mở trường học theo mô hình phương Tây.
Ngoại giao	- Mềm dẻo, xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng, giữ vững chủ quyền.

c. Ý nghĩa

+ Công cuộc cải cách đã góp phần bảo vệ được nền độc lập, chủ quyền của Xiêm trước sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân. Nhờ đường lối ngoại giao khôn khéo, thực dụng, biết lựa chọn và tận dụng tốt những cơ hội khách quan nên Xiêm là nước duy nhất trong khu vực thoát khỏi thân phận là một nước thuộc địa.

+ Công cuộc cải cách ở Xiêm mang tính chất tiến bộ, đáp ứng phần nào yêu cầu của lịch sử, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa và giữ được nền độc lập dân tộc mặc dù vẫn còn lệ thuộc về nhiều mặt.

- **Xiêm giữ được độc lập:**

- Nhờ những cải cách của vua Rama V trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, quân sự, giáo dục…
- Nhờ chính sách đối ngoại "mềm dẻo".
- Chủ động "mở cửa", quan hệ với tất cả các nước.
- Lợi dụng vị trí "nước đệm" giữa hai nước Anh - Pháp.

Bài 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

- Phong trào kháng chiến chống thực dân xâm lược nổ ra mạnh mẽ, quyết liệt ở nhiều quốc gia (In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Mi-an-ma, Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam).
- Các phong trào này đều thất bại, gây cho thực dân nhiều khó khăn trong quá trình xâm lược và khai thác thuộc địa.

Quốc gia	Diễn biến chính
In-đô-nê-xi-a	- Nửa sau thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan rộng khắp, lãnh đạo là giai cấp tư sản, trí thức.
Phi-lip-pin	- Từ thế kỉ XVI, bùng nổ nhiều phong trào chống chính sách cướp đất, thuế, cưỡng bức lao động…của thực dân Tây Ban Nha.
Mi-an-ma	- Từ đầu thế kỉ XX, phong trào sôi nổi, đòi quyền lợi cơ bản như giảm thuế, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ văn hóa truyền thống…
Cam-pu-chia	- Nửa sau thế kỉ XIX, phong trào chiến đấu quyết liệt ở nhiều nơi. Tiêu biểu là phong trào đấu tranh của Hoàng thân Si-vô-tha, A-cha-xoa, Pu-côm-bô…
Lào	- Cuối thế kỉ XIX, nhân dân Lào đấu tranh, được sự ủng hộ của người H'Mông và Việt Nam.
Việt Nam	- Nửa sau thế kỉ XIX, nhân dân cả nước kháng chiến quyết liệt khi bị thực dân Pháp xâm lược.

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

a. Giai đoạn cuối thế kỉ XIX đến năm 1920

- Là giai đoạn chuyển tiếp từ kháng chiến sang chiến tranh giải phóng dân tộc.
- Hình thức phong phú: bạo động (Phi-lip-pin), khởi nghĩa (In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam, Mi-an-ma), cải cách ôn hòa (In-đô-nê-xi-a), đòi dân nguyện (Mi-an-ma).

b. Giai đoạn 1920 - 1945

- Tiếp tục đấu tranh chống thực dân phương Tây với hai hình thức: bạo động và cải cách.
- Từ 1930, nhiều đảng cộng sản được thành lập (Việt Nam, Xiêm, Phi-lip-pin) để lãnh đạo đấu tranh.
- 8/1945, nhân cơ hgiànội Nhật đầu hàng đồng minh, 3 nước In-đô-nê-xi-a, Lào, Việt Nam vùng lên đánh Nhật, giành độc lập.

c. Giai đoạn 1945 - 1975

- 3 nước Đông Dương tiếp tục đấu tranh chống Pháp, Mỹ xâm lược.
- Các nước còn lại đàm phán hòa bình với thực dân để giành độc lập.

3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập

a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân

- Kinh tế: Ách cai trị và bóc lột khiến kinh tế hầu hết các nước đều yếu kém, lạc hâu, phụ thuộc vào kinh tế tư bản phương Tây.
- Chính trị: Chính sách "chia để trị" khoét sâu vào mâu thuẫn vùng miền, sắc tộc, tôn giáo, và giai cấp trong xã hội.
- Văn hóa: Chính sách đồng hóa làm mai một không ít những giá trị văn hóa bản địa.
- Bên cạnh đó, thực dân phương Tây đầu từ phát triển hệ thống giao thông vận tải, nhà máy, xí nghiệp, đồn điền và du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nên diện mạo các quốc gia cũng có nhữn biến đổi tích cực.

b. Quá trình tái thiết và phát triển

* Nhóm năm nước ASEAN (Thái, Phi, Xin, Ma, In)

Từ khi độc lập đến 1967	Từ 1967 đến thập niên 1980	Từ những năm 1990 đến nay

- Tiến hành chiến lược Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. - Sản xuất hàng tiêu dùng thay thế hàng nhập khẩu, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu. - Hạn chế: thiếu vốn, nguyên liệu, công nghệ, chưa giải quyết tăng trưởng với công bằng xã hội.	- Chuyển sang chiến lược Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo. - Mở cửa, thu hút đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất để xuất khẩu. - Kinh tế xã hội biến đổi lớn, kinh tế đối ngoại tăng.	- Chủ động hội nhập kinh tế thế giới, hợp tác khu vực, triển khai kinh tế 4.0. Tốc độ tăng trưởng cao. - Sang thế kỉ XXI, tích cực triển khai trong khuôn khổ ASEAN về Phát triển Kinh tế đồng đều.

* Nhóm các nước Đông Dương.
- Cam-pu-chia:
+ Từ 1975 - 1991: chính trị bất ổn, kinh tế khủng hoảng.
+ Từ 1991 - nay: kinh tế tăng trưởng.
- Lào:
+ Từ 1975 - 1986: kinh tế tập trung gặp nhiều khó khăn.
+ Từ cuối 1986 đến nay: kinh tế khởi sắc.
- Việt Nam:
+ Từ 1986 tiến hành đổi mới.
+ Từ 1996 - 2000: trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, có nền kinh tế tăng trưởng nhanh.
+ Bước sang thế kỉ XXI, kinh tế ngày càng hội nhập và sâu rộng.
* Các nước Đông Nam Á khác:
- Bru-nây: từ thập niên 80, thi hành chính sách đa dạng hóa kinh tế, là nước có thu nhập đầu người vào hàng cao nhất thế giới.
- Mi-an-ma: từ cuối năm 1988, tiến hành cải cách mở cửa, kinh tế có khởi sắc nhưng đời sống nhân dân vẫn nhiều khó khăn.
- Đông-ti-mo: độc lập vào năm 2002, hiện là nước nghèo, nhiều khó khăn.

Chương IV:
CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)
Bài 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1945)
1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam
a. Vị trí địa chiến lược của Việt Nam
- Có vị trí quan trọng trên đất liền và trên biển, nằm trên trục giao thương quốc tế ở Đông Nam Á, vì vậy trở thành nơi cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc.
- Từ thời cổ đại, nước ta phải đối phó với những cuộc xâm lược từ phía Bắc xuống và từ hướng biển đông vào.
b. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
- Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, quyết định sự tồn vong của dân tộc.
- Tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc; đến tiến trình lịch sử dân tộc và chính sách quản lí đất nước.
- Viết nên trang sử vẻ vang về tinh thần yêu nước, độc lập tự chủ, mưu trí sáng tạo của con người Việt Nam.

- Để lại nhiều bài học cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Chiến thắng tiêu biểu	Kết quả	Nghệ thuật quân sự
Kháng chiến chống quân Nam Hán	Năm 938	Ngô Quyền	Chiến thắng Sông Bạch Đằng	Chiến thắng Bạch Đằng mở đầu thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc.	- Triệt tiêu nội phản, làm yên lòng dân. - Tận dụng điều kiện tự nhiên, biết chớp thời cơ, chọn thời cơ giặc suy yếu dùng mưu kế đánh giặc
Kháng chiến chống quân xâm lược Tống	Năm 981	Lê Hoàn	Trận Lục Đầu Giang, trận Bình Lỗ - Sông Bạch Đằng	Tướng Hầu Nhân Bảo tử trận, quân Tống rút chạy. Nền độc lập của Đại Cồ Việt được giữ vững	+ Triệt để tận dụng ưu thế về điều kiện tự nhiên ở vùng cửa sông Bạch Đằng để bố trí trận địa mai phục quân địch. + Dùng kế nghi binh, lừa địch (cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến, vờ thua trận rồi nhử địch vào trận địa cọc ngầm). + Biết chọn và chớp thời cơ địch suy yếu để tiến hành phản công
Kháng chiến chống quân xâm lược Tống	Năm 1075 - 1077	Lý Thường Kiệt	Trận trên phòng tuyến sông Như nguyệt.	Quân Tống thất bại, trả lại đất Quảng Nguyên (Cao Bằng), nối lại bang giao hai nước	- Kế sách "Tiên phát chế nhân", chủ động tiến công trước để phá sự chuẩn bị của quân Tống. - Chủ động rút lui xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt để đợi giặc và đánh giặc; - Phối hợp giữa quân đội chủ lực của triều đình với lực lượng vũ trang của nhân dân; - Đánh vào tâm lí địch; chủ động giảng hòa để kết thúc chiến tranh .

B. BÀI TẬP

Bài 3: Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

a/ Nhận biết

Câu 1. Thắng lợi nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?

A. Cách mạng tháng Hai (1917) ở Nga.

B. Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

C. Cách mạng Nga năm 1905 - 1907.

D. Công xã Pa-ri năm 1871 ở Pháp.

Câu 2. Sau Cách mạng tháng Mười Nga, nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết là

A. đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng bộ máy nhà nước mới.

B. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

C. khôi phục và phát triển kinh tế, chống lại thù trong giặc ngoài.

D. tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng bộ máy nhà nước mới của những người lao động được xem là

A. nhiệm vụ chiến lược của chính quyền Xô viết.

B. mục tiêu trước mắt của chính quyền Xô viết.

C. nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết.

D. mục tiêu hàng đầu của chính quyền Xô viết.

Câu 3. Sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, người đứng đầu Chính quyền Xô viết là

A. Lê-nin.

B. Xta-lin.

C. Pu-tin.

D. Goóc-ba-chốp.

Câu 4. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, khai mạc đêm 25-10-1917 đã ra tuyên bố

A. thành lập chính quyền Xô viết.

B. thông qua sắc lệnh "Hòa bình".

C. thông qua sắc lệnh "Ruộng đất".

D. Thông qua chính sách "Kinh tế mới".

Câu 5. Khi mới thành lập, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết gồm 4 nước Cộng hòa là

A. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.

B. Nga, Hung-ga-ri, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.

C. Nga, Hung-ga-ri, Bung-ra-ri và Ngoại Cáp-ca-dơ.

D. Liên Xô, Hung-ga-ri, Bung-ra-ri và Ngoại Cáp-ca-dơ.

Câu 6. Biểu tượng trên Quốc huy của Liên Xô theo Hiến pháp (1924) là

A. búa liềm trên quả địa cầu.

B. ngôi sao vàng năm cánh.

C. Lê-nin cầm cờ đỏ búa liềm.

D. bánh răng và bông lúa nước.

Câu 7. Ngày 30-12-1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua bản Tuyên ngôn thành lập Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết tại

A. Mát-xcơ-va.

B. Xta-ling-grát.

C. Pê-tơ-rô-grat.

D. Điện Xmô-nưi.

Câu 8. Tháng 1-1924, bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô chính thức được
A. thông qua.
B. biên soạn.
C. xoá bỏ.
D. có hiệu lực.
Câu 9. Ngày 30-12-1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua
A. Tuyên ngôn thành lập Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
B. Hiến pháp đầu tiến của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
C. Cương lĩnh xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
D. Báo cáo chính trị và báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng Cộng sản.
Câu 10. Ngày 30-12-1922, tại Mát-xcơ-va, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua
A. bản Hiệp ước Liên bang.
B. bản Hiến pháp đầu tiên.
C. chính sách "Kinh tế mới".
D. sắc lệnh "Hòa bình".
Câu 11. Tháng 1-1924, Liên Xô đã thông qua
A. bản Hiệp ước Liên bang.
B. bản Hiến pháp đầu tiên.
C. chính sách "kinh tế mới".
D. Sắc lệnh "hòa bình".
Câu 12. Sự kiện nào sau đây được xem là mở đường cho sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?
A. Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga.
B. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
C. Cách mạng Nga năm 1905 - 1907.
D. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914).
Câu 13. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai họp (25/10/1917) đã tuyên bố
A. thành lập chính phủ Xô viết B. tham chiến chống Nhật ở châu Á.
C. thành lập khối Đồng minh chống phát xít. D. thành lập chính phủ tư sản lâm thời.
Câu 14. Năm 1924, Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô đã
A. hoàn thành quá trình thành lập nhà nước Liên Xô
B. kết thúc cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc.
C. giải quyết yêu cầu hòa bình cho nhân dân
D. giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
Câu 15. Sự ra đời của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (1922) đã
A. giải phóng các dân tộc trên toàn thế giới.
B. liên kết phong trào công nhân các nươc tư bản.
C. tạo sức mạnh tổng hợp để xây dựng đất nước.
D. đập tan âm mưu xâm lược của các nước đế quốc.
Câu 16. Năm 1924, Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô đã
A. hoàn thành quá trình thành lập nhà nước Liên Xô B. kết thúc cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc.
C. giải quyết yêu cầu hòa bình cho nhân dân D. giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
Câu 17. Sự ra đời của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (1922) đã
A. giải phóng các dân tộc trên toàn thế giới.
B. liên kết phong trào công nhân các nươc tư bản.

C. tạo sức mạnh tổng hợp để xây dựng đất nước.
D. đập tan âm mưu xâm lược của các nước đế quốc.
Câu 18. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô đã tạo điều kiện cho sự ra đời của nhà nước dân chủ nhân dân ở các nước
A. Đông Âu.
B. Tây Âu.
C. Nam Âu.
D. Bắc Âu.
Câu 19. Năm 1949, quốc gia nào sau đây đã lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?
A. Trung Quốc.
B. Việt Nam.
C. Triều Tiên.
D. Cu-ba.
Câu 20. Từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây thực hiện chính sách giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa?
A. Anh.
B. Bru-nây.
C. Liên Xô.
D. Mĩ.
Câu 21. Từ nửa sau thập niên 1970 và trong thập những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu lâm vào thời kì suy thoái, khủng hoảng trầm trọng về
A. văn hóa, giáo dục.
B. chính trị, quân sự.
C. quốc phòng an ninh.
D. kinh tế, xã hội.
Câu 22. Nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu là do
A. tiến hành cải tổ muộn, gặp khó khăn khi tiến hành cải tổ.
B. không tiến hành cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.
C. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí.
D. sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong nước.
Câu 23. Nguyên nhân khách quan dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là
A. sự chống phá của các thế lực thù địch.
B. chưa bắt kịp sự phát triển khoa học – kĩ thuật.
C. thiếu dân chủ và công bằng xã hội.
D. phạm phải nhiều sai lầm khi cải tổ.
Câu 24. Nội dung nào sau đây là biểu hiện tình hình kinh tế-xã hội các nước Đông Âu giai đoạn từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của TK XX?
A. Có bước phát triển và đạt nhiều thành tựu
B. Lâm vào khủng hoảng và suy thoái nghiêm trọng
C. Phát triển xen lẫn suy thoái
D. Phát triển thần kì
Câu 25. Tháng 1-1959, ở khu vực Mĩ La-tinh diễn ra sự kiện nào sau đây?
A. Guyanđa được trao trả độc lập.
B. 13 quốc gia vùng Caribê giành độc lập.
C. Mĩ trao trả độc lập cho Panama.
D. Cách mạng Cuba giành thắng lợi.

Câu 26. Từ năm 1961, Cuba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nào sau đây?
A. Hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
B. Đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.
C. Hoàn thành cuộc cải cách ruộng đất.
D. Lật đổ sự thống trị của thực dân Tây Ban Nha.
Câu 27. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã
A. trở thành một hệ thống trên thế giới.
B. trở thành siêu cường số một thế giới.
C. bị xoá bỏ hoàn toàn trên thế giới.
D. lan rộng sang các nước ở Tây Âu.
Câu 28. Quốc gia nào sau đây ở châu Á chọn con đường phát triển lên Chủ nghĩa xã hội?
A. Trung Quốc. B. Nhật Bản. C. Thái Lan. D. Hàn Quốc.
Câu 29. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á chọn con đường phát triển lên Chủ nghĩa xã hội?
A. Việt Nam. B. Inđônêxia. C. Thái Lan. D. Philippin.
Câu 30. Quốc gia nào sau đây ở Mĩ la tinh chọn con đường phát triển lên Chủ nghĩa xã hội?
A. Cuba. B. Braxin. C. Áchentina. D. Mêhicô.
b/ Thông hiểu
Câu 1. Theo Hiến pháp (1924) của Liên Xô, ghi nhận việc hợp tác của các nước Cộng hòa Xô viết thành một nhà nước dựa trên cơ sở
A. thỏa thuận.
B. tự nguyện.
C. bắt buộc.
D. thương lượng.
Câu 2. Một trong những tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết năm 1922 là
A. sự bình đẳng về mọi mặt.
B. phân biệt về tôn giáo.
C. thống nhất về văn hóa.
D. phân biệt về chủng tộc.
Câu 3. Một trong những tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết năm 1922 là
A. quyền dân tộc tự quyết.
B. phân biệt về tôn giáo.
C. thống nhất về văn hóa.
D. phân biệt về chủng tộc.
Câu 4. Tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết năm 1922 là
A. xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.
B. phân biệt về tôn giáo, tín ngưỡng giữa các dân tộc.
C. thống nhất về kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc.
D. phân biệt về chủng tộc, tôn giáo giữa các dân tộc.
Câu 5. Sự kiện nào sau đây đánh dấu hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?
A. bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.

B. bản Hiệp ước Liên bang lần đầu tiên được thông qua.
C. Thắng lợi trong đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.
D. Khi hoàn thành quá trình khôi phục và phát triển kinh tế.
Câu 6. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi của các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa trên đất nước Xô viết trong cuộc chiến chống thù trong, giặc ngoài là
A. sự đoàn kết, giúp đỡ nhau.
B. sự ủng hộ từ bên ngoài.
C. có sức mạnh về ngoại giao.
D. có sự ủng hộ của Mỹ.
c/ Vận dụng
Câu 1. Đối với Liên Xô, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?
A. Thể hiện sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc Xô viết.
B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
C. Tăng cường vị thế của Nhà nước Liên Xô trên trường quốc tế.
D. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
Câu 2. Đối với Liên Xô, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?
A. Thể hiện sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc Xô viết.
B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
C. Tăng cường vị thế của Nhà nước Liên Xô trên trường quốc tế.
D. Trở thành biểu tượng và chỗ dựa cho phong trào cách mạng thế giới.
Câu 3. Đối với Liên Xô, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?
A. Thể hiện sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc Xô viết.
B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
C. Tăng cường vị thế của Nhà nước Liên Xô trên trường quốc tế.
D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, khu vực Mỹ-La tinh.
Câu 4. Trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay, Việt Nam học tập điều gì từ sự ra đời và thành công của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?
A. Tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc.
B. Mở rộng, giao lưu hợp tác quốc tế để khẳng định vị thế đất nước.
C. Đoàn kết, hợp tác trong đấu tranh chống ngoại xâm giữa các dân tộc.
D. Tham gia các liên minh quân sự để tăng cường sức mạnh phòng thủ.
Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) năm 1922?
A. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
B. Phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới lúc bấy giờ.
C. Đáp ứng được nhiệm vụ cấp bách trong đấu tranh chống ngoại xâm.
D. Chưa phù hợp với nguyện vọng các dân tộc trên đất nước Xô viết.
Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai
Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:
"Đến năm 1922, nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh có sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị. Trong khi Nga là nước có nền kinh tế công nghiệp tương đối phát triển (nhờ thực hiện chính sách Kinh tế mới), các nước khác vẫn trong tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Các nước cộng hòa Xô viết cũng chưa có sự thống nhất về

các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục,… Điều đó đặt ra yêu cầu phải hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển"

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.21)

a. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập năm 1922 trong bối cảnh kinh tế nước Nga và các nước Xô viết khác có sự phát triển tương đối đồng đều

b. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là do nhu cầu hợp tác, giúp đỡ nhau để cùng phát triển

c. Trước khi thành lập Liên bang Xô viết, các nước cộng hòa Xô viết đã có sự thống nhất bước đầu về các chính sách phát triển

d. Năm 1922, kinh tế nước Nga phát triển là do thực hiện chính sách Kinh tế mới do lê – nin đề xướng

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Liên Xô, nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra có sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được Nhà nước Xô viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít"

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.22)

a. Liên Xô là một trong những nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới

b. Nhà nước Liên Xô bắt đầu tỏ ra có sức mạnh phi thường từ sau khi đánh bại phát xít

c. Việc Liên Xô đánh thắng phát xít đã tạo điều kiện cho nhiều nước khác đứng lên tự giải phóng

d. Đoạn trích đã tóm tắt quá trình thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tới năm 1922, trên lãnh thổ của nước Nga trước đây đã tồn tại sáu nước cộng hoà XHCN: Nga, U-crai-na, Bê-la-rút, A-déc-bai-gian, Ác-mê-ni-a và Gru-di-a. Đặc điểm nổi bật giữa các nước cộng hoà này là sự phát triển không đồng đều cả về kinh tế, văn hoá và chính trị. Lúc này những vùng công nghiệp như "những hòn đảo nhỏ" trong "đại dương" nông nghiệp to lớn. Các nước cộng hoà vùng Trung Á, Bắc Cáp-ca-dơ, Xi-bi- a,... vẫn trong tình trạng hết sức lạc hậu về kinh tế và văn hoá, thậm chí có nơi còn tồn tại những tàn tích của quan hệ phong kiến – gia trưởng. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã mang lại sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hoà Xô viết. Nhưng sự bình đẳng ấy chỉ thật sự vững chắc khi dựa trên cơ sở bình đẳng về kinh tế và văn hoá – tức là sự phát triển không ngừng về kinh tế và văn hoá của các dân tộc".

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.45 – 46)

a) Theo đoạn tư liệu, nước Nga Xô viết và các nước cộng hoà Xô viết thành viên không có sự phát triển đồng đều về kinh tế, văn hoá.

b) Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời năm 1922 gắn liền với nhu cầu hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau của các nước cộng hoà Xô viết.

c) Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã mang lại sự bình đẳng về kinh tế và văn hoá giữa các nước Cộng hoà Xô viết.

d) Từ đoạn tư liệu và thực tiễn lịch sử ở nước Nga cho thấy, Liên bang Cộng hoà Xô viết ra đời năm 1922 là một tất yếu lịch sử.

Bài 4: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

a) Nhận biết

Câu 1. Nội dung trọng tâm trong đường lối cải cách mở của ở Trung Quốc năm 1978 là
A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. giáo dục.

Câu 2. Tháng 12-1978, gắn với sự kiện trọng đại nào ở Trung Quốc?
A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.
B. Xây dựng chủ nghĩa tư bản.
C. Xây dựng dân giàu, nước mạnh.
D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 3. Năm 2010, quốc gia nào sau đây có nền kinh tế đứng thứ hai thế giới?
A. Liên Xô.
B. Nhật Bản.
D. Việt Nam.
D. Trung Quốc.

Câu 4. Từ năm 1978, để đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức, Trung Quốc thực hiện chủ trương nào sau đây?
A. Tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.
B. Tiến hành công cuộc cải cách mở cửa.
C. Tiến hành công cuộc cải tổ đất nước.
D. Tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ.

Câu 5. Về quy mô kinh tế, từ năm 2010 đến nay, Trung Quốc đã đạt được thành tựu như thế nào?
A. Vị trí thứ hai thế giới.
B. Thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới.
C.Tăng trưởng bình quân 9,5%/năm.
D.Vị trí đứng đầu thế giới.

Câu 6. Về đối ngoại, năm 1999, Trung Quốc đã đạt được thành công khi thu hồi chủ quyền ở
A. Ma Cao. B. Thượng Hải. C. Đài Loan. D. Nội Mông.

Câu 7. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỉ XX là
A. coi các nước ở khu vực Mĩ Latinh là đối tác chiến lược.
B. thực hiện chính sách cấm vận kéo dài đối với các nước Đông Nam Á.
C. đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ với các nước.
D. bắt tay với Mĩ chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

Câu 8. Sự ra đời của quốc gia nào sau đây đã mở rộng không gian địa lý của chủ nghĩa xã hội sang khu vực châu Á?
A. Mêhicô. B. Trung Quốc. C. Ấn Độ. D. Brazil.

Câu 9. Trong công cuộc cải cách mở cửa (1978), Trung Quốc đạt được thành tựu nào về khoa học - công nghệ?
A. Kinh tế đứng thứ hai thế giới. B. Xóa đói giảm nghèo.
C. Đã cải cách giáo dục toàn diện. D. Phóng thành công tàu vũ trụ.

Câu 10. Từ năm 1991 đến nay, Nhân dân một số nước ở khu vực nào sau đây tiến hành cải cách, đổi mới, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa?
A. Châu Á. B. Bắc Phi. C. Tây Âu. D. Nam Phi.

b) Thông hiểu

Câu 1. Những thành tựu trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc cho thấy sự đúng đắn của con đường xây dựng
A. chủ nghĩa xã hội.

B. chủ nghĩa dân tộc.
C. chủ nghĩa yêu nước.
D. chủ nghĩa cơ hội.
Câu 2. Từ 1991, nước Cộng hòa Cu-ba đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt là
A. sự chống phá của các thế lực thù địch trong nước.
B. chính quyền độc tài thân Mĩ chưa bị lật đổ.
C. con đường xã hội chủ nghĩa chưa có tính ưu việt.
D. lệnh cấm vận kéo dài của Mỹ và phương Tây.
Câu 3. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng đường lối mới trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978?
A. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.
B. Tiến hành cải cách và mở cửa.
C. Xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.
D. Thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng".
Câu 4. Điểm giống nhau trong công cuộc cải tổ ở Liên Xô và cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc là
A. thực hiện đa nguyên đa đảng để cùng lãnh đạo đất nước.
B. duy trì cơ chế quản lí tập trung.
C. chú trọng đổi mới chính trị và xã hội.
D. tiến hành khi đất nước khủng hoảng.
Câu 5. Điểm chung của Việt Nam và Trung Quốc từ năm 1991 đến nay là
A. từng bước tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới.
B. trở thành các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao.
C. Tham gia tổ chức ASEAN.
D. Thực hiện nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.
Câu 6. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô có sự khác biệt cơ bản với cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc về
A. bối cảnh lịch sử.
B. mục tiêu.
C. giai cấp lãnh đạo.
D. kết quả.

c) Vận dụng

Câu 1. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70?
A. Tích cực, tiến bộ.
B. Hòa bình, trung lập.
C. Hòa hoãn, tích cực.
D. Trung lập, tích cực.
Câu 2. Điểm giống nhau cơ bản giữa cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc (1978) và công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986) là gì?
A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.
B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
C. Chỉ chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục.
D. Tập trung cải cách triệt để về kinh tế.
Câu 3. Điểm tương đồng trong công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc (1978), công cuộc cải tổ của Liên Xô (1985 - 1991) và đổi mới đất nước ở Việt Nam (1986) là gì?
A. Củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, tiến hành cải cách mở cửa.
C. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm; thực hiện đa nguyên, đa đảng.

D. Tiến hành khi đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kéo dài.

Câu 4. Từ cuối thế kỷ XX, vị thế của Trung Quốc không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế là do

A. sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và bình thường hóa quan hệ với nhiều nước.

B. sở hữu nhiều vũ khí hạt nhân và công nghệ quốc phòng nhiều nhất trên thế giới.

C. ra sức thực hiện "giấc mơ Trung Hoa", âm mưu làm bá chủ trên toàn thế giới.

D. thường xuyên gây ra nhiều cuộc chiến tranh xâm và nô dịch các nước láng giềng.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng và đầy đủ** về công cuộc đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam được xác định trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI (12 - 1986)?

A. Đổi mới để khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng.

B. Đổi mới là cần thiết để đẩy cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên.

C. Đổi mới để tiếp tục phát triển, vươn lên theo kịp xu thế của thời đại.

D. Đổi mới là vấn đề cấp bách và phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và sự tan rã của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết, chủ nghĩa xã hội không còn là một hệ thống thế giới. Tuy vậy, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu – ba…vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh".

(Nguyễn Văn Ninh (chủ biên), *Lịch sử 11*, NXB Đại học Sư phạm, 2023, tr. 26)

a) Năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ.

b) Từ năm 1991 đến nay, hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới bắt đầu được hình thành và phát triển.

c) Hiện nay, một số quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Campuchia vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.

d) Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu cho thấy những hạn chế, sai lầm trong học thuyết Mác – Lênin.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Hội nghị Trung ương 3 (khóa XI) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (12/1978) đã quyết định thực hiện cải cách, mở cửa, xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Đường lối này được nâng lên thành đường lối chung tại Đại hội XII (1982) và Đại hội XIII (1987) của Đảng Cộng sản Trung Quốc: lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách, mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn nhằm hiện đại hóa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh"

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, bộ Cánh diều, tr. 27)

a. Tại Đại hội XIII (1987), Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết định cải cách, mở cửa đất nước

b. Công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc nhằm mục tiêu cuối cùng là chuyển đổi cách thức hoạt động của nền kinh tế theo hướng hiện đại

c. Nội dung đường lối cải cách – mở cửa ở Trung Quốc được xây dựng và hoàn thiện trong khoảng thời gian từ 1978 đến 1987

d. Trong nội dung đường lối cải cách, mở cửa, Trung Quốc xác định sẽ xây dựng một mô hình xã hội chủ nghĩa mang màu sắc riêng của đất nước mình

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Năm 2020, 75% thành phố của Trung Quốc với dân số 500 nghìn người trở lên có đường sắt cao tốc. Trong khi đó, ở Tây Ban Nha, quốc gia có mạng lưới đường sắt tốc độ cao lớn nhất châu Âu và đứng thứ 2 toàn cầu chỉ có hơn 3 nghìn km đường sắt chuyên dụng đáp ứng tàu tốc độ 250km/h. Ở Vương quốc Anh chỉ có 107km, trong khi ở Mĩ chỉ có 1 tuyến đường sắt gần như đủ tiêu chuẩn cho tàu cao tốc. Đến cuối năm 2021, tổng chiều dài đường sắt của Trung Quốc đã lên đến 150 nghìn km, bao gồm 40 nhìn km đường sắt cao tốc. Đường sắt cao tốc Trung Quốc hiện chiếm 66,3% tổng chiều dài đường sắt cao tốc trên toàn thế giới"

(Theo Tạp chí Giao thông vận tải, *Trung Quốc đã trở thành cường quốc đường sắt cao tốc như thế nào*?)

a. Hiện nay, Trung Quốc là quốc gia có mạng lưới đường sắt cao tốc phát triển nhất thế giới

b. Tổng chiều dài đường sắt cao tốc của Trung Quốc nhiều hơn tổng chiều dài đường sắt cao tốc của Tây Ban Nha, Anh, Mĩ cộng lại

c. Đoạn trích phản ánh một trong những thành tựu nổi bật về khoa học – kĩ thuật và phát triển cơ sở hạ tầng của Trung Quốc hiện nay

d. Năm 2020, toàn bộ các thành phố của Trung Quốc đều có hệ thống đường sắt cao tốc bao phủ

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Mỗi trẻ em sinh ra ở Cu – ba, khi lên 5 tuổi, đều có quyền bắt đầu những năm tháng đi học hoàn toàn miễn phí. Học xong mẫu giáo, các em sẽ được chuyển sang học tại một trường tiểu học. Phổ cập giáo dục áp dụng với mọi trẻ em từ 6 tuổi tới hết cấp hai cơ bản (thường là 15 tuổi). Giáo dục, gồm cả giáo dục đại học đều miễn phí với mọi công dân Cu – ba, không phân biệt giàu nghèo hay thành phần xã hội. Ngày nay, chế độ giáo dục bắt buộc ở Cu – ba là từ mẫu giáo đến lớp 9.… Cu – ba đứng số 1 thế giới về tỉ lệ đầu tư ngân sách cho giáo dục, chiếm tới 13% GDP. Với số lượng đi kèm chất lượng đào tạo hiện nay, UNESCO xếp Cu – ba là nước có hệ thống giáo dục tốt nhất khu vực Mĩ Ltinh, bất chấp việc Cu – ba là một trong những quốc gia kém phát triển nhất khu vực".

(Theo Tạp chí Mặt trận, *Cu – ba và hệ thống phúc lợi xã hội thuộc top đầu thế giới*, phát hành ngày 10/8/2018)

a. Hệ thống giáo dục miễn phí luôn là ưu tiên hàng đầu của Cu – ba, thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội

b. Cu – ba thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc đối với mọi trẻ em đến hết cấp hai cơ bản

c. Do có nền kinh tế phát triển hàng đầu khu vực Mĩ Latinh nên Cu – ba có điều kiện tốt nhất đầu tư cho giáo dục

d. Giáo dục Cu – ba được cộng đồng quốc tế đánh giá cao về chất lượng đào tạo

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Từ năm 1945 đến năm 1949, các nước Đông Âu tiến hành cải cách ruộng đất, xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, quốc hữu hóa các xí nghiệp của tư bản, ban hành các quyền tự do dân chủ

Từ năm 1950 đến nửa đầu thập niên 1970, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu nhận được sự giúp đỡ của Liên Xô đã đạt được nhiều tiến bộ: công nghiệp hóa, điện khí hóa, phát triển nông nghiệp,…

Nửa sau thập niên 1970 và trong thập niên 1980, các nước Đông Âu lâm vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng"

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, bộ Chân trời sáng tạo, tr. 22)

a. Quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến hết thập niên 1980 chia thành 3 giai đoạn khác nhau

b. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các nước Đông Âu từ 1945 – 1949 là xây dựng chủ nghĩa xã hội

c. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu đạt được nhiều thành tựu chủ yếu nhờ tinh thần tự lực tự cường, không có sự giúp đỡ từ bên ngoài
d. Nền kinh tế - xã hội các nước Đông Âu bắt đầu có dấu hiệu suy thoái, khủng hoảng từ thập niên 1980
Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:
"Thắng lợi của Liên Xô và các nước Đồng minh (Anh – Pháp – Mĩ) cùng lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á và ở Cu – ba (khu vực Mĩ Latinh)

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, bộ Chân trời sáng tạo, tr. 22)

a. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa mở rộng sang châu Á và khu vực Mĩ Latinh
b. Hiện nay, Cu – ba là quốc gia duy nhất ở khu vực Mĩ Latinh đi theo con đường xã hội chủ nghĩa
c. Lực lượng phát xít bị đánh bại trong chiến tranh thế giới hai tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của nhiều nước xã hội chủ nghĩa
d. Nguyên nhân quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai là do thắng lợi phe Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít

Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

a/ Nhận biết

Câu 1. Từ đầu thế kỉ XVI, các nước phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động
A. truyền giáo.
B. thể thao.
C. du lịch.
D. nhân đạo.
Câu 2. Từ đầu thế kỉ XVI các nước phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động
A. buôn bán.
B. thể thao.
C. du lịch.
D. nhân đạo.
Câu 3. Thực dân phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động
A. chiến tranh xâm lược.
B. hoạt động thể thao.
C. quãng bá du lịch.
D. hỗ trợ nhân đạo.
Câu 4. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á diễn ra trong bối cảnh chế độ phong kiến ở Đông Nam Á
A. khủng hoảng, suy thoái.
B. đang được hình thành.
C. ổn định, phát triển.
D. sụp đổ hoàn toàn.
Câu 5. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á diễn ra trong bối cảnh chế độ phong kiến ở Đông Nam Á
A. suy thoái khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội.
B. đang trong giai đoạn bắt đấu mới hình thành.

C. trong giai đoạn phát triển mạnh về kinh tế, văn hóa.
D. đạt nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật.
Câu 6. Sau cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha (1898), Phi-lip-pin trở thành thuộc địa của
A. Mỹ.
B. Tây Ban Nha.
C. Bồ Đào Nha.
D. Pháp.
Câu 7. Về mặt chính trị, sau khi hoàn thành xâm lược Đông Nam Á các nước thực dân phương Tây đã thi hành chính sách
A. "chia để trị".
B. "ngu dân".
C. "đồng hóa".
D. "phản phong".
Câu 8. Quốc gia nào sau đây đã mở đầu cho quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á
A. Bồ Đào Nha.
B. Tây Ban Nha.
C. Anh.
D. Pháp.
Câu 9. Đến đầu thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á **không** trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?
A. In-đô-nê-xi-a.
B. Xiêm.
C. Ma-lai-xi-a.
D. Bru-nây.
Câu 10. Về chính trị, sau khi thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã
A. duy trì thế lực phong kiến ở địa phương.
B. sử dụng giai cấp tư sản làm tay sai.
C. sử dụng chế độ quân chủ lập hiến.
D. đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền.
Câu 11. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội và giáo dục ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã
A. kìm hãm người dân thuộc địa trong tình trạng lạc hậu.
B. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.
C. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.
D. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo – đói.
Câu 12. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội và giáo dục ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã
A. kìm hãm người dân thuộc địa trong tình trạng nghèo đói.
B. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.
C. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.
D. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo – đói.
Câu 13. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội và giáo dục ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã
A. làm xói mòn giá trị truyền thống của các quốc gia.
B. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.
C. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.
D. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo – đói.

Câu 14. Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe dọa xâm lược của
A. thực dân phương Tây.
B. phong kiến Trung Quốc.
C. quân phiệt Nhật Bản.
D. đế quốc Mông Cổ.
Câu 15. Những nội dung cải cách của vua Ra-ma V đã đưa Xiêm phát triển theo
A. con đường tư bản chủ nghĩa.
B. con đường xã hội chủ nghĩa.
C. thể chế Tổng thống Liên bang.
D. liên kết với các nước trong khu vực.
Câu 16. Từ năm 1892, vua Ra-ma V tiến hành cải cách hành chính theo mô hình của
A. Nhật Bản.
B. Trung Quốc.
C. phương Tây.
D. Ấn Độ.
Câu 17. Đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây khi xâm lược Đông Nam Á là
A. Đông Nam Á hải đảo.
B. Đông Nam Á lục địa.
C. bán đảo Ban Căng.
D. bán đảo Cà Mau.

b/ Thông hiểu

Câu 1. Các nước Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây vì lí do nào sau đây?
A. Giàu tài nguyên, có nguồn nguyên liệu và hàng hóa phong phú.
B. Là khu vực có dân số đông nhất và đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ.
C. Là khu vực có tình trạng chính trị không ổn định do bị chia cắt.
D. Là khu vực có nhiều thương cảng sầm uất nhưng thiếu sự quản lí.
Câu 2. Các nước Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây vì lí do nào sau đây?
A. Là khu vực nằm trên tuyến đường biển huyết mạch Đông - Tây.
B. Là khu vực có dân số đông nhất và đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ.
C. Là khu vực có tình trạnh chính trị không ổn định do bị chia cắt.
D. Là khu vực có nhiều thương cảng sầm uất nhưng thiếu sự quản lí.
Câu 3. Nội dung nào sau đây là mục đích của thực dân phương Tây khi thực hiện chính sách "chia để trị" ở Đông Nam Á?
A. Làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước.
B. Để các nước dễ dàng trong việc buôn bán.
C. Để phát huy sức mạnh của từng quốc gia.
D. Để đầu tư cho từng nước không bị phân tán.
Câu 4. Để giữ gìn chủ quyền của đất nước, vua Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến chính sách
A. thể thao.
B. văn hóa.
C. tôn giáo.
D. ngoại giao.
Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** phải là kết quả cuộc cải cách của vua Ra-ma V ở Xiêm?
A. Trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
B. Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

C. Băng Cốc trở thành trung tâm buôn bán sầm uất.
D. Đất nước giữ được nền độc lập tương đối.
c/ Vận dụng
Câu 1. Điểm tương đồng của Xiêm và Nhật Bản trong đường lối phát triển đất nước giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là gì?
A. Tiến hành cải cách và trở thành cường quốc ở châu Á.
B. Đều lệ thuộc vào các nước phương thực dân phương Tây.
C. Tiến hành cải cách và phát triển theo tư bản chủ nghĩa.
D. Đều không đạt được mục đích trong công cuộc cải cách.
Câu 2. Những cải cách ở Xiêm và Nhật Bản từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX đều theo khuôn mẫu
A. các nước phương Đông.
B. các nước phương Tây.
C. cải cách Nông nô ở Nga.
D. các nước xã hội chủ nghĩa.
Câu 3. Việt Nam rút ra được bài học gì từ những cải cách ở nước Xiêm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX để bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc?
A. Thực hiện mở cửa buôn bán tự do.
B. Du nhập tự do văn hóa phương Tây.
C. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo.
D. Cải cách hành chính theo mô hình phương Tây.
Câu 4. Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách cải cách của Xiêm mà Việt Nam có thể học tập trong việc bảo vệ chủ quyền đất nước?
A. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp.
B. Miễn trừ và giảm thuế nông nghiệp cho nông dân.
C. Không thỏa hiệp về lãnh thổ với nước ngoài.
D. Công tác giáo dục đặc biệt được chú trọng.
Câu 5. Nội dung nào sau đây là sự chuyển biến trong xã hội ở các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?
A. Sự tỏa sáng rực rỡ của nền văn minh phương Đông.
B. Sự xâm lược và đô hộ của các nước đế quốc thực dân.
C. Sự tiếp thu khoa học, kĩ thuật từ các nước phương Tây.
D. Chính sách mở rộng ngoại giao, buôn bán của các nước.
Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai
Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:
"Điểm chung của chính sách thống trị thực dân ở Đông Nam Á là khai thác, vơ vét và bòn rút các quốc gia trong khu vực bằng chính sách thuế khóa đánh vào các tầng lớp nhân dân bản địa, cướp ruộng đất lập đồn điền, bóc lột sức người, khai thác tài nguyên; thông qua khai thác triệt để sản phẩm nông nghiệp, tiếp tục đầu tư để bóc lột lâu dài trong công nghiệp… Vì vậy, cao su, cà phê, chè, lúa gạo là những sản vật đặc trưng của Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý khai thác từ sớm"
(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.337)
a. Đoạn trích cung cấp thông tin về chính sách khai thác, bóc lột của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á.
b. Trong công nghiệp, thực dân phương Tây tìm cách vơ vét, bòn rút các nước Đông Nam Á thông qua việc cướp ruộng đất lập đồn điền.

c. Những sản vật được coi là thế mạnh của các nước Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý đầu tư khai thác sớm để thu lợi nhuận cao.
d. Khai thác tài nguyên thiên nhiên không phải là điểm chung trong chính sách cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

… Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

…Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều".

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, trích trong: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1 – 2)

a) Đoạn trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh tập trung tố cáo tội ác của phát xít Nhật trong quá trình thống trị Việt Nam.
b) Những tội ác của chính quyền thực dân đối với nhân dân ta được thể hiện toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.
c) Một trong những chính sách cai trị của chính quyền thực dân được nhắc đến trong đoạn trích là chính sách "chia để trị"
d) …"ràng buộc dư luận", "chính sách ngu dân", "dùng thuốc phiện, rượu cồn" là những chính sách và tội ác của chính quyền thực dân trên lĩnh vực chính trị.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tại Bảo tàng hàng hải ở Ma – lắc – ca (Ma – lai – xi – a), mô hình con tài Phlo đơ Ma của Bồ Đào Nha bị đắm ở Ma – lắc – ca thu hút sự chú ý của đông đảo khách tham quan. Đây là một trong số những con tàu thuộc hạm thuyền hùng mạnh của thực dân Bồ Đào Nha tấn công xâm lược Vương quốc Ma – lắc – ca, cũng là một thương cảng sầm uất ở Đông Nam Á vào năm 1511. Sự kiện này đã mở đầu cho quá trình xâm lược và thống trị kéo dào nhiều thế kỉ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.29)

a. Đoạn trích tập trung phản ánh sự phát triển của du lịch tại thành phố biển Ma – lắc – ca
b. Bồ Đào Nha là nước thực dân phương Tây đầu tiên xâm lược khu vực Đông Nam Á
c. Thực dân phương Tây bắt đầu quá trình xâm lược khu vực Đông Nam Á từ thế kỉ XV
d. Một trong những nguyên nhân khiến Bồ Đào Nha xâm lược Ma – lắc – ca vì đây là một hải cảng sầm uất ở biển Đông

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chính quyền thực dân thường chia một nước hoặc vùng thuộc địa thành các vùng miền với các hình thức cai trị khác nhau và do đó, dân cư mỗi vùng trong một nước lại chịu nhiều hình thức cai trị khác nhau, tạo ra sự mâu thuẫn giữa họ với nhau để thực dân dễ bề cai trị... Ví dụ, khi thống trị ở Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Bru-nây, thực dân Anh đã hoà trộn ba khu vực này vào nhau, sau đó chia thành bốn khu vực mới với chế độ cai trị khác nhau".

(Theo Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 2005, tr. 233-234)

a) Đoạn trích tóm tắt quá trình thực dân Anh xâm lược một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.
b) Việc chia nhiều vùng cai trị khác nhau là biểu hiện rõ của chính sách *"chia để trị"* của thực dân.
c) Mục đích của chính sách *"chia để trị"* là chia rẽ, làm suy yếu khối đoàn kết dân tộc**.**
d) Chính sách *"chia để trị"* được nhiều nước thực dân áp dụng ở Đông Nam Á.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thế kỉ XVI, các mặt hàng hương liệu như tiêu, gừng, đinh hương, nhục đậu khấu, trầm hương,…của Đông Nam Á có sức hút mạnh mẽ đối với châu Âu. Bồ Đào Nha là cường quốc đầu tiên chinh phục quốc gia Hồi giáo Ma – lắc – ca (năm 1511). Nhanh chóng, người Hà Lan chiếm Ma – lắc – ca từ tay người Bồ Đào Nha (năm 1641), thiết lập thành phố Ba – ta – vi – a thông qua công ty Đông Ấn; Tây Ban Nha bắt đầu thực dân hóa Phi – lip – pin từ năm 1542; công ty Đông Ấn Anh chiếm Xin – ga – po, làm cơ sở thương mại chính của người Anh để cạnh tranh với người Hà Lan”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ chân trời sáng tạo, tr.30)

a. Đoạn trích phản ánh quá trình xâm nhập của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á lục địa từ thế kỉ XVI

b. Phi – lip – pin bị thực dân Tây Ban Nha xâm lược từ giữa thế kỉ XVI

c. Quốc gia Hồi giáo Ma – lắc – ca từng là thuộc địa của Bồ Đào Nha và Hà Lan

d. Đông Nam Á là khu vực có nguồn hương liệu phong phú, có giá trị cao nên đã nhanh chóng trở thành đối tượng xâm lược của thực dân phương Tây

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ năm 1892, Ra – ma V tiến hành cuộc cải cách hành chính. Sau khi cử nhiều đoàn đi nghiên cứu thể chế của một số nước châu Âu, giai cấp thống trị Xiêm coi mô hình nhà nước quân chủ lập hiến của đế quốc Đức là phù hợp với tình hình Xiêm. Vua vẫn là người có quyền lực tối cao trong toàn quốc. Bên cạnh vua có Hội đồng nhà nước đóng vai trò cơ quan tư vấn, khởi thảo luật pháp. Bộ máy hành pháp của triều đình được thay thế bằng Hội đồng Chính phủ gồm 12 bộ trưởng”

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Thái Lan*, NXB Giáo dục, 1994, tr.92)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về cải cách của vua Ra – ma V trên tất cả mọi lĩnh vực

b. Cuộc cải cách hành chính của vua Ra – ma V bắt đầu được tiến hành từ cuối thế kỉ XVIII

c. Thể chế nhà nước quân chủ lập hiến mà Xiêm xây dựng từ cuộc cải cách của vua Ra – ma V là học tập theo mô hình của phương Tây

d. Với cải cách của vua Ra- ma V, Hội đồng nhà nước đóng vai trò lập pháp, còn Hội đồng Chính phủ đóng vai trò hành pháp

Bài 6: Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

a/ Nhận biết

Câu 1. Năm 1920, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á thành lập Đảng Cộng sản?

A. In-đô-nê-xi-a.

B. Việt Nam.

C. Ma-lay-xi-a.

D. Thái Lan.

Câu 2. Năm 1945, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập sớm nhất?

A. Việt Nam.

B. In-đô-nê-xi-a.

C. Lào.

D. Thái Lan.

Câu 3. Năm 1945, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập muộn nhất?

A. Việt Nam.

B. In-đô-nê-xi-a.

C. Lào.

D. Thái Lan.

Câu 4. Từ năm 1954 đến năm 1975, các nước Đông Nam Á đã lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, ***ngoại trừ***
A. Bru-nây.
B. Xin-ga-po.
C. Mi-an-ma.
D. Lào.
Câu 5. Phong trào chống thực dân xâm lược ở các nước Đông Nam Á hải đảo bùng nổ từ rất sớm, tiêu biểu là ở
A. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.
B. In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.
C. Ma-lai-xi-a và Bru-nây.
D. Xin-ga-po và Việt Nam.
Câu 6. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á được coi là một trong bốn "con rồng kinh tế" của châu Á?
A. Việt Nam.
B. Thái Lan.
C. Xin-ga-po.
D. In-đô-nê-xi-a.
Câu 7. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nhân dân In-đô-nê-xi-a nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân nào sau đây?
A. Anh.
B. Pháp.
C. Tây Ban Nha.
D. Hà Lan.
Câu 8. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Lào nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân
A. Anh.
B. Pháp.
C. Ban Nha.
D. Hà Lan.
Câu 9. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tận dụng thời cơ Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (tháng 8-1945) để tiến hành giành độc lập?
A. Mi-an-ma, Lào, Thái Lan.
B. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Lào.
C. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia.
D. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
Câu 10. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào giải phóng dân tộc theo xu hướng tư sản ở khu vực Đông Nam Á diễn ra sớm nhất ở
A. Việt Nam, Campuchia, Lào.
B. Thái Lan, Việt Nam, Lào.
C. In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin.
D. Phi-lip-pin, Thái Lan, Việt Nam.
Câu 11. Đến đầu thế kỉ XIX, chế độ cai trị của thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a bị rung chuyển bởi cuộc khởi nghĩa của
A. Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô.
B. Hoàng thân Si-vô-tha.
C. nhà sư Pu-côm-bô.
D. nhân dân trên đảo Ban-da.

Câu 12. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Mi-an-ma nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân
A. Anh.
B. Pháp.
C. Tây Ban Nha.
D. Hà Lan.
Câu 13. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Cam-pu-chia nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân
A. Anh.
B. Pháp.
C. Tây Ban Nha.
D. Hà Lan
Câu 14. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Việt Nam nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân
A. Anh.
B. Pháp.
C. Tây Ban Nha.
D. Hà Lan.
Câu 15. Sự hình thành khuynh hướng vô sản trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á gắn liền với sự ra đời và phát triển của giai cấp
A. nông dân.
B. công nhân.
C. tư sản.
D. địa chủ.
Câu 16. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?
A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
D. Quốc hữu hóa các danh nghiệp nước ngoài.
Câu 17. Từ giữa những năm 60 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?
A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
D. Quốc hữu hóa các danh nghiệp nước ngoài.
b/ Thông hiểu
Câu 1. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** quá trình chuyển biến của cách mạng ở khu vực Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920?
A. đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang giành chính quyền.
B. đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị giành độc lập dân tộc.
C. đấu tranh chống xâm lược sang đấu tranh giành độc lập dân tộc
D. đấu tranh giành độc lập dân tộc sang đấu tranh giành chính quyền.
Câu 2. Lực lượng lãnh đạo nòng cốt trong phong trào đấu tranh chống thực dân Anh ở Mi-an-ma vào đầu thế kỉ XX là
A. các vị cao tăng và trí thức.
B. công nhân và tư sản dân tộc.
C. nông dân và địa chủ phong kiến.

D. các lực lượng phong kiến địa phương.
Câu 3. Sau nhiều thế kỉ là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, phần lớn các quốc gia Đông Nam Á vẫn là những nước
A. công nghiệp phát triển.
B. nông nghiệp lạc hậu.
C. công nghiệp mới.
D. công nghiệp lạc hậu.
Câu 4. Một trong những tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á là
A. kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
B. nền sản xuất công nghiệp du nhập vào khu vực.
C. đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.
D. giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.
Câu 5. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN tiến hành chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu với mục tiêu
A. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.
B. nhanh chóng phát triển các ngành công nghiệp nặng, hội nhập với thị trường thế giới.
C. mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư, kĩ thuật và công nghệ hiện đại của nước ngoài.
D. tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển kinh tế đối ngoại, hội nhập thế giới.
Câu 6. Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách phát triển kinh tế của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia được thực hiện từ những năm 80 của thế kỉ XX?
A. Lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.
B. Tiến hành công nghiệp hóa, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.
C. Đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
D. Cải cách đất nước một cách toàn diện, trong đó đổi mới chính trị là trọng tâm.
c/ Vận dụng
Câu 1. Mâu thuẫn bao trùm lên xã hội Đông Nam Á trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là gì?
A. Nhân dân Đông Nam Á với thực dân xâm lược.
B. Giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến.
C. Giai cấp tư sản với chính quyền thực dân.
D. Giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.
Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng tác động từ chính sách "chia để trị" của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á?
A. Tranh chấp biên giới.
B. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.
C. Tranh chấp lãnh thổ.
D. Gắn kết khu vực và thế giới.
Câu 3. Các đảng cộng sản được thành lập ở một số nước: In-đô-nê-xi-a (1920), Việt Nam, Mã Lai, Xiêm và Phi-líp-pin (trong những năm 30 của thế kỉ XX) đã
A. mở ra khuynh hướng tư sản trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.
B. mở ra khuynh hướng vô sản trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.
C. khẳng định sự thắng thế của khuynh hướng vô sản trong phong trào đấu tranh.
D. khẳng định sự thắng thế của khuynh hướng tư sản trong phong trào đấu tranh.
Câu 4. Nội dung nào sau đây là điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?
A. Phong trào theo khuynh hướng tư sản thay thế phong trào theo ý thức hệ phong kiến.
B. Phong trào theo ý thức hệ phong kiến thay thế phong trào theo khuynh hướng tư sản.

C. Tồn tại song song hai khuynh hướng tư sản và vô sản trong phong trào yêu nước.
D. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối.
Câu 5. Điểm chung trong phong trào giải phóng dân tộc ở ba nước Đông Dương vào cuối thế kỉ XIX là gì?
A. Phong trào chống thực dân mang ý thức hệ phong kiến.
B. Phong trào đấu tranh diễn ra theo khuynh hướng tư sản.
C. Thắng lợi hoàn toàn, lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp.
D. Diễn ra quyết liệt, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đúng 10h sáng ngày 17/8/1945, tại Gia – các – ta, lãnh tụ Đảng Dân tộc In – đô – nê – xi – a là Xu – các – nô đã đọc lời tuyên bố: "Chúng tôi, nhân dân In – đô – nê – xi – a, trịnh trọng tuyên bố nền độc lập của In – đô – nê – xi – a". Bức thông điệp ngắn gọn này là Bản tuyên ngôn độc lập của In – đô – nê – xi – a – quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á đã tuyên bố độc lập sau chiến tranh thế giới thứ hai. Tiếp đó, Việt Nam và Lào cũng lần lượt tuyên bố độc lập vào tháng 9 và 10 - 1945

a. Ba quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập là In – đô – nê – xi – a, Việt Nam, Cam – pu – chia.
b. In – đô – nê – xi – a, Việt Nam, Lào giành chính quyền năm 1945 từ quân phiệt Nhật Bản.
c. Nhiều nước Đông Nam Á tuyên bố độc lập vào cùng ngày chính phủ Nhật Bản tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện.
d. Tổ chức lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á đều là các đảng phái chính trị theo khuynh hướng vô sản.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tại Tây Ninh, Trương Quyền liên minh với Pu – côm – bô đánh Pháp. Nguyễn Hữu Huân xây dựng căn cứ ở Đồng Tháp Mười, liên kết với A – cha Xoa (Cam – pu – chia) chống Pháp. Ông bị thực dân Pháp bắt, đày ra hải đảo, khi được tha về lại tiếp tục tổ chức lực lượng đánh Pháp dọc theo các tỉnh Tân An, Mỹ Tho cho đến năm 1875. Tại căn cứ Hòn Chông (Rạch Giá), Nguyễn Trung Trực xây dựng lực lượng mở rộng kháng Pháp khắp vùng Rạch Giá, Kiên Giang…"

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.37)

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam tại Bắc Kì.
b. Một số cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta có liên minh chặt chẽ với phong trào kháng chiến ở Cam – pu – chia.
c. Nguyễn Trung Trực đã xây dựng căn cứ ở Tây Ninh và tổ chức lực lượng đánh Pháp ở khắp Tây Ninh, Rạch Giá, Kiên Giang.
d. Trương Quyền, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực đã có sự liên kết chặt chẽ, thống nhất với nhau trong quá trình kháng chiến chống Pháp.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Từ năm 1920 đến năm 1945, nhiều đảng phái và tổ chức chính trị mới đã ra đời ở Đông Nam Á. Tiêu biểu trong số này là Đảng Lập hiến, Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Cộng Sản Đông Dương (Việt Nam, Đông Dương); Đảng Dân tộc, Đảng Cộng sản (In-đô- nê-xi- a); Đảng Tha-khin, Đảng Cộng sản (Mi-an- ma); Đại hội toàn Mã Lai (Ma-ai-xi- a); Đảng Cộng sản Phi-lip-pin,…".

(Nguyễn Văn Ninh (chủ biên), *Lịch sử 11*, NXB Đại học Sư phạm, 2023, tr. 37)

a) Theo đoạn tư liệu, từ năm 1920 đến năm 1945, nhiều đảng phái và tổ chức chính trị mới đã ra đời ở Đông Nam Á.

b) Trong quá trình đấu tranh giành độc lập từ 1920 - 1945, Đảng Cộng sản đã được thành lập ở tất cả các nước Đông Nam Á.

c) Đảng Dân tộc là một trong những chính đảng cách mạng tiêu biểu của nhân dân Việt Nam và Đông Dương.

d) Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Tha - khin, Đại hội toàn Mã Lai tiêu biểu cho khuynh hướng dân chủ tư sản ở Đông Nam Á.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tại Việt Nam, công cuộc Đổi mới (từ năm 1986) thúc đẩy tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7,6%/năm trong giai đoạn 1991 – 2000. Năm 2020, GDP của Việt Nam đạt 343 tỉ USD, đứng thứ tư ở Đông Nam Á và thuộc 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Từ cuối năm 1986, Lào cũng bước vào quá trình đổi mới, nền kinh tế có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 5,8%"

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ cánh diều, tr.40)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số thành tựu kinh tế của Việt Nam và Lào từ khi tiến hành đổi mới đất nước.

b. Cả hai nước Việt Nam và Lào đều tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986.

c. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn cao, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có quy mô kinh tế đứng thứ tư châu Á.

d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2016 – 2020 cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 1991 – 2000.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Kể từ năm 1967, tốc độ tăng trưởng GDP của các nước Đông Nam Á luôn đạt mức cao (trừ năm 1998, năm đỉnh điểm của khủng hoảng tài chính châu Á). Từ năm 1999, tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới với GDP đạt khoảng 3000 tỉ USD từ năm 2018. Dự kiến đến năm 2030 sẽ vượt Đức vươn lên vị trí thứ 4 thế giới với GDP tăng gấp đôi.

a. Đoạn tư liệu phản ánh một số thành tựu về kinh tế của các nước Đông Nam Á trong quá trình tái thiết và phát triển đất nước.

b. Kể từ năm 1967 đến năm 2018, tốc độ tăng trưởng GDP của các nước Đông Nam Á luôn đạt mức cao và ổn định tuyệt đối.

c. Từ năm 2018, ASEAN trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 trên thế giới, vượt cả Đức.

d. Sau cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của các nước Đông Nam Á cao hơn so với mức trung bình của thế giới.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Ở Việt Nam, từ năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, cuộc chiến đấu chống xâm lược của nhân dân Việt Nam làm thất bại kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của thực dân Pháp. Các cuộc khởi nghĩa lan rộng ra các tỉnh Nam Kì và Bắc Kì, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp quần chúng nhân dân với những hình thức đấu tranh phong phú. Thực dân Pháp phải tra qua 26 năm mới áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam"

(*Sách giáo viên Lịch sử 11*, Bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.91 – 92)

a. Khi xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã chọn Đà Nẵng là điểm tấn công đầu tiên.

b. Khi xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" và đã nhanh chóng hoàn thành xâm lược Việt Nam trong khoảng thời gian ngắn.
c. Trong quá trình xâm lược, thực dân Pháp liên tục vấp phải sự kháng cự quyết liệt của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.
d. Năm 1884, thực dân Pháp đã áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam.

Bài 7: Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

a/ Nhận biết

Câu 1. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?
A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.
B. Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.
C. Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.
D. Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
Câu 2. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?
A. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
B. Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.
C. Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.
D. Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
Câu 3. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?
A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
B. Tiên phát chế nhân.
C. Vây thành, diệt viện.
D. Vườn không nhà trống.
Câu 4 Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?
A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
B. Chủ động kết thúc chiến tranh.
C. Vây thành, diệt viện.
D. Vườn không nhà trống.
Câu 5. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?
A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
B. Chủ động tiến công.
C. Vây thành, diệt viện.
D. Vườn không nhà trống.
Câu 6. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?
A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
B. Giảng hòa trên thế thắng.
C. Vây thành, diệt viện.
D. Vườn không nhà trống.
Câu 7. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã giành được thắng lợi nào sau đây?
A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 8. Sau cuộc tập kích trên đất nhà Tống, Lý Thường Kiệt nhanh chóng rút quân về nước để
A. chuẩn bị lực lượng tiến công tiếp.
B. kêu gọi Chăm-pa cùng đánh Tống.
C. chuẩn bị phòng tuyến chặn giặc.
D. kêu gọi nhân dân rút lui, sơ tán.

b/ Thông hiểu

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam?
A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.
B. Nằm trên các trục đường giao thông quốc tế huyết mạch.
C. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.
D. Kiểm soát tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á.
Câu 2. Trong suốt quá trình lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vì một trong những lí do nào sau đây?
A. Là quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng.
B. Được xem là cái nôi của văn minh nhân loại.
C. Là trung tâm văn hóa bật nhất phương Đông.
D. Là một quốc gia chưa có độc lập, chủ quyền.
Câu 3. Trong suốt quá trình lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vì một trong những lí do nào sau đây?
A. Có tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc.
B. Được xem là cái nôi của văn minh nhân loại.
C. Là trung tâm văn hóa bật nhất phương Đông.
D. Là một quốc gia chưa có độc lập, chủ quyền.
Câu 4. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?
A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt.
B. Củng cố vị thế cường quốc kinh tế của Việt Nam.
C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự.
D. Góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.
Câu 5. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?
A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.
B. Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng.
C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
D. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.
Câu 7. Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đối với
A. sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam.
B. chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước.
C. chiều hướng phát triển kinh tế của đất nước.
D. tình hình văn hóa - xã hội của quóc gia.
Câu 8. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa
A. góp phần định hình bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.
B. tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập với quốc tế sâu rộng.
C. khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.

D. hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường dân tộc.

Câu 9. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa

A. góp phần định hình bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

B. tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập với quốc tế sâu rộng.

C. khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.

D. tô đậm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng (năm 938)?

A. Quân Nam Hán chủ quan, hiếu chiến, không thông thạo địa hình.

B. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất.

C. Quân Nam Hán lực lượng ít, khí thế chiến đấu kém cỏi, vũ khí thô sơ.

D. Tài thao lược và vai trò chỉ huy của Ngô Quyền cùng các tướng lĩnh khác.